

I. MỤC TIÊU- NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026.

LỚP: CƠM THƯỜNG A.

Người thực hiện: Nguyễn Thị Chanh - Đào Thị Thon.

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
1	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT															
2	A. Phát triển vận động															
3	1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp															
4					Bài 1: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay : Hai tay giơ cao - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước - Chân: Ngồi xuống.	x									1	
5					Bài 2: - Thổi bóng. - Tay : Hai tay đưa ra phía trước - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang hai bên. - Chân: Co duỗi từng chân.		x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
6	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hô hấp, tay, lưng/bụng/lườn và chân.	NDCT	Thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay giơ cao/đưa ra phía trước/đưa sang ngang/ đưa ra sau/lắc bàn tay; lưng /cúi về phía trước, nghiêng/vặn người sang 2 bên/chân/ ngồi	NDCT	Bài 3: - Búng xì hơi - Tay : Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên.			x							1	
7					Bài 4: Gà gáy - Tay : Hai tay đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước - Chân: Co duỗi từng chân				x						1	
8					Bài 5: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay : Hai tay giơ cao. - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên.					x					1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
9			sang 2 bên chân/ ngồi xuống, đứng lên/ co duỗi từng chân		Bài 6: Ngủi hoa - Tay : Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang hai bên. - Chân: Co duỗi từng chân							x			1	
10					Bài 7: Ngủi hoa - Tay : Hai tay đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước - Chân: Ngồi xuống, đứng lên.					x					1	
11					Bài 8: Máy bay, tàu hỏa Tay :Hai tay đưa ra phía trước - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang hai bên. - Chân: Co duỗi từng chân							x			1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
12					Bài 9:- Thổi nơ - Tay : + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vận người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên									x	1		
13	2. Các vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động																
14	* Vận động: bò, trườn																
15	Biết bò thẳng hướng trong đường hẹp (3m x 35 - 40)	TLHD	Bò thẳng hướng trong đường hẹp (3m x 35 - 40)	NDCT	Tiết dạy: Bò thẳng hướng trong đường hẹp (3m x 35 - 40)				x							1	
16	Biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	KQMĐ	Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng (3m)	NDCT	Tiết dạy: Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng (3m)										x	1	
17	Biết bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm)	TLHD	Bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm)	TLHD	Tiết dạy: Bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm)									x		1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
18	Biết bò đến vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm)	TLHD	Bò qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m, đứng dậy đi về chỗ hoặc lấy đồ chơi.	NDCT	Tiết dạy: Bò qua vật cản.								x		1	
19	Biết bò đến vật cản và trườn qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m.	TLHD	Biết bò đến vật cản và trườn qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m.	NDCT	Tiết dạy: Trườn qua vật cản.									x	1	
20	* Vận động: đi, chạy															
21	Giữ được thăng bằng trong khi thực hiện vận động đi theo hiệu lệnh của cô	KQMĐ	Đi theo hiệu lệnh	NDCT	Tiết dạy: Đi theo hiệu lệnh			x							1	
22	Trẻ khéo léo, giữ được thăng bằng khi đi trong đường hẹp không dẫm vào vạch của đường	TLHD	Đi trong đường hẹp	NDCT	Tiết dạy: Đi trong đường hẹp		x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
23	Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trong đường hẹp và khéo léo cầm vật trong tay không làm rơi vật	KQMĐ	Đi trong đường hẹp có mang vật trong tay	NDCT	Tiết dạy: Đi trong đường hẹp có mang vật trong tay		x								1	
24	Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trong đường ngoằn ngoèo có độ rộng khoảng 30- 35 cm.	KQMĐ	Đi trong đường ngoằn ngoèo	NDCT	Tiết dạy: Đi trong đường ngoằn ngoèo.			x							1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
25	Trẻ khéo léo, tự tin, giữ được thăng bằng cơ thể khi đi,	KQMĐ	Đi theo hướng thẳng	NDCT	Tiết dạy: Đi theo hướng thẳng.					x						1		
26	chạy theo hướng thẳng		Chạy theo hướng thẳng	NDCT	Tiết dạy: Chạy theo hướng thẳng							x				1		
27	* Vận động: bước, nhún, bật																	
28	Biết bật nhảy tại chỗ	NDCT	Bật tại chỗ	NDCT	Tiết dạy: Bật tại chỗ.	x											1	
29	Giữ được thăng bằng cơ thể khi bật qua vạch kẻ, chân không chạm vào vạch.	NDCT	Bật qua vạch kẻ	NDCT	Tiết dạy: Bật qua vạch kẻ.						x						1	
30	Giữ thăng bằng khi thực hiện vận động đứng co 1 chân	NDCT	Đứng co 1 chân	NDCT	Tiết dạy: Đứng co 1 chân						x						1	
31	đứng co 1 chân, sau đó đổi chân.		Đứng co 1 chân cách đất 10-12 cm, sau đó đổi chân.	NDCT	Tiết dạy: Đứng co 1 chân cách đất 10-12 cm, sau đó đổi chân.									x			1	
32	Biết đi bước vào các ô(mỗi ô kích thước 30 x 25cm) không giẫm vào vạch.	TLHD	Đi bước vào các ô	NDCT	Tiết dạy: Đi bước vào các ô									x			1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
33	Biết đi bước qua gậy kê cao, không chạm chân vào gậy.	TLHD	Đi bước qua gậy kê cao(cao 7cm)	NDCT	Tiết dạy: Đi bước qua gậy kê cao(cao 5 cm)									x	1	
34	* Vận động: tung, ném, bắt															
35	Biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m	KQMĐ	Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m	KQMĐ	Tiết dạy: Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m						x				1	
36	bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m				Đá bóng.							x		1		
37	1,5m				Đá bóng vào gôn								x	1		
38	Biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	KQMĐ	Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	NDCT	Tiết dạy: Tung bóng với cô.			x							1	
39	Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng vào gôn.	KQMĐ	Ngồi lăn bóng vào gôn.	NDCT	Ngồi lăn bóng vào gôn.			x							1	
40	Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay lăn bóng giống cô.	KQMĐ	Ngồi lăn bóng.	NDCT	Ngồi lăn bóng với bạn.	x									1	
41	Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng vào đích	KQMĐ	Ngồi lăn bóng vào đích.	NDCT	Ngồi lăn bóng vào đích.				x						1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
42	Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng trong đường hẹp	KQMĐ	Ngồi lăn bóng trong đường hẹp.	NDCT	Ngồi lăn bóng trong đường hẹp.					x						1	
43	Biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Ném bóng vào đích xa ở phía trước với khoảng cách 1 - 1,2m	KQMĐ	Ném bóng vào đích xa ở phía trước với khoảng cách 1 - 1,2m	NDCT	Tiết dạy: Ném bóng vào đích							x				1	
44	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	KQMĐ	Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	NDCT	Tiết dạy: Ném bóng về phía trước.					x		x				2	
45	* Trò chơi vận động:																
46					TCVĐ: Dung dăng dung dẻ, Kéo co, Tập tầm vông, Nu na nu nống, Lộn cầu vòng, Bóng bay xanh, Chi chi, chành chành...	x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường			
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
47	Sử biết dụng các trò chơi vận động nhằm rèn luyện kĩ năng vận động và phát triển thể lực cho trẻ.	TLHD	Trò chơi vận động nhằm giúp trẻ phát triển thể lực qua các thao tác vận động	TLHD	TCVD: Bóng tròn to, Kéo co, Tập tầm vông, Nu na nu nống, Lộn cầu vòng, Bóng bay xanh, Chi chi, chành chành...		x								1			
48					TCVD: Bóng tròn to, Dung dăng dung dẻ, Kéo co, Tập tầm vông, Nu na nu nống, Lộn cầu vòng, Bóng bay xanh, Chi chi, chành chành...				x							1		
49					TCVD: Gà trong vườn rau, Mèo đuổi chuột, Đuổi theo bắt lấy Thỏ, Bắt bướm, Bịt mắt bắt dê , Tròi nắng, trời mưa, Cắp cua...					x							1	
50					TCVD: Chi chi, chành chành, Dung dăng dung dẻ, Kéo co, Tập tầm vông, Nu na nu nống, Lộn cầu vòng, Bóng bay xanh,						x							1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
51					TCVĐ: Cây cao, cỏ thấp, Gieo hạt, Trồng nụ, trồng hoa, Nu na nu nống, Bóng tròn to...						x			1		
52					TCVĐ: Bóng bay xanh, Kéo cưa lừa xẻ, Bóng tròn to, Cây cao, cỏ thấp, Gieo hạt, Trồng nụ, trồng hoa, Nu na nu nống,						x				1	
53					TCVĐ: Ô tô về bến, Đua xe đạp. Ô tô và chim sẻ. Đèn xanh, đèn đỏ. Làm theo tín hiệu đèn. Thuyền về bến. Chèo thuyền...								x		1	
54					TCVĐ: Bóng bay xanh, Dung dăng dung dẻ, Kéo co, Tập tầm vông, Nu na nu nống, Lộn cầu vồng, Bóng tròn to, Chi chi, chành chành...									x	1	
55	3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay															

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
56	Thực hiện được các vận động xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé giấy	NDCT	Thực hiện vận động xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé giấy.	NDCT	Trò chơi: Những ngón tay ngoan, Tay ai dẻo, Ai khéo hơn, Thi uốn dẻo.	x									1	
57					Trò chơi: Ngón tay nhúc nhích, Đôi bàn tay khéo léo, Điều khiển của đôi tay, Bàn nào khéo hơn, Những ngón tay xinh của bạn, Vuốt ve.								x		1	
58					Trò chơi:Tay ai dẻo hơn, Ai giỏi hơn			x							1	
59					Trò chơi: Chim xinh, Bắt muỗi, Chú chuột, Làm chim đại bàng.				x						1	
60					Trò chơi: Ai khéo hơn, cuộn len, múa dẻo.					x					1	
61					Trò chơi: Nặn bánh							x			1	
62					Trò chơi: Vắt nước chanh.						x				1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
63					Trò chơi: Những ngón tay cử động, Đôi bàn tay khéo léo, ,Những ngón tay khéo léo, Ai khéo hơn.								x		1		
64					Trò chơi: Khuấy nước cam.									x	1		
65	Thực hiện các vận động: Cầm, kéo đồ vật.	KQMD	Cầm, kéo đồ vật	KQMD	Trò chơi: Tập cầm đồ chơi để chơi.	x										1	
66					Trò chơi: Chiếc hộp thần kỳ, quả lắc biết kêu				x							1	
67					Trò chơi: Bé chơi kéo xe.					x						1	
68					Trò chơi: Kéo cửa lừa xe						x					1	
69					Trò chơi: Xe nào đi nhanh.							x				1	
70					Trò chơi: Thi xem ai nhanh						x					1	
71					Trò chơi: Ai giỏi thế.								x			1	
72					Trò chơi: Thi xem ai giỏi.										x		1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
73	Biết đóng cọc bàn gỗ	NDCT	Thực hiện vận động đóng cọc bàn gỗ	NDCT	Trò chơi: Ai đóng giỏi, Gõ trống, Gõ xác xô, Xúc xác.	x									1		
74					Trò chơi: Ai đóng khéo, Đóng cọc, Đóng đình.				x							1	
75					Trò chơi: Bàn tay kì diệu, Đóng bàn, ghế.					x						1	
76					Trò chơi: Ai khéo tay hơn.						x						
77					Trò chơi: Ai giỏi hơn, Ai nhanh hơn.										x	1	
78	Biết dùng các ngón tay để nhón nhặt đồ vật	NDCT	Nhón nhặt đồ vật	NDCT	Trò chơi: Ai nhặt đúng		x								1		
79					Trò chơi: Nhặt đồ vật bé thích					x					1		
80					Trò chơi: Nhặt đồ vật theo yêu cầu							x			1		
81					Trò chơi: Nhặt đồ vật theo màu sắc								x		1		
82	Có khả năng vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực	KQMD	Tập múa dẻo	ĐP	Trò chơi: Ai khéo tay, Bàn tay kì diệu, Những ngón tay xinh của bạn,Những ngón tay ngoan, Tay ai dẻo, Thi uốn dẻo.		x								1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
83	hiện "múa khéo"				Trò chơi: Tay ai dẻo hơn, Đôi bàn tay khéo léo, Điều kì diệu của đôi tay.						x			1			
84	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim.	KQMD	Thực hiện vận động nhào đất nặn.	NDCT	Trò chơi: Nặn đôi đũa			x							1		
85					Trò chơi: Nặn thức ăn cho gà, vịt;				x					1			
86					Trò chơi: Tập nặn quả tròn.					x				1			
87					Trò chơi: Tập nặn bánh xe							x		1			
88			Thực hiện vận động vẽ cuộn len, tổ chim.	NDCT	Trò chơi: Tập vẽ cuộn len					x					1		
89					Trò chơi: Tập vẽ tổ chim					x					1		
90	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: xâu	KQMD	Thực hiện vận động xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	KQMD	Trò chơi: Xâu vòng tặng cô.	x									1		
91					Trò chơi: Xâu vòng tặng bạn.			x								1	
92					Tiết học: Xâu vòng màu xanh, đỏ.				x							1	
93					Trò chơi: Xâu các con vật					x						1	
94					Trò chơi: Xâu vòng tặng người thân: Ông bà, bố mẹ, anh chị.						x						1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
95	vòng tay, chuỗi đeo cổ				Trò chơi:Xâu hoa màu xanh-đỏ- vàng						x			1		
96					Trò chơi:Xâu các loại rau- củ- quả					x				1		
97					Trò chơi: Xâu bánh xe						x			1		
98					Trò chơi: Xâu vòng tặng các anh chị mẫu giáo.								x	1		
99	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: cài, cời cúc, buộc dây	NDCT	Tập cài, cời cúc, buộc dây	NDCT	Trò chơi: Đan tết, cài,cời, kéo khóa một số đồ chơi, đồ dùng của bé.			x						1		
100					Trò chơi: Ai buộc giỏi, ai luồn giỏi			x						1		
101					Trò chơi: Ai nhanh hơn.				x					1		
102					Hướng dẫn trẻ cài cúc áo					x				1		
103					Trò chơi: Luồn, cài, cời, kéo khóa quần, áo, giày tặng người thân.						x				1	
104					Trò chơi: Đan tết một số loại quả ngày tết.								x			1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
105	Cải, cỏi, kéo khóa áo, quần, váy....				Trò chơi: Cải, cỏi, kéo khóa áo, quần, váy....						x			1		
106					Trò chơi: Đạn tết một số loại củ, quả quen thuộc.					x				1		
107					Trò chơi: Đạn tết một số phương tiện giao thông.							x		1		
108					Trò chơi: Cải cỏi, kéo khóa,đạn tết một số trang phục mùa hè.								x	1		
109	Biết chấp ghép các hình vào đúng vị trí cho trước, theo mẫu	NDCT	Chấp ghép hình	NDCT	Trò chơi: Chấp ghép theo ý thích						x			1		
110					Trò chơi: Chấp ghép hình theo hình mẫu					x				1		
111					Trò chơi: Chấp ghép hình theo yêu cầu							x		1		
112					Trò chơi: Thi xem ai ghép nhanh								x	1		
113	Chồng, xếp được 6 - 8 khối không đồ	NDCT	Chồng, xếp 6 - 8 khối	NDCT	Trò chơi: Xếp chồng theo ý thích	x								1		
114					Trò chơi: Xếp chồng theo hình mẫu		x							1		
115					Tiết học: Bé lồng hộp tròn.	x								1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
116					Tiết học: Bé lồng hộp vuông.		x								1		
117					Tiết học: Xếp ngôi nhà					x					1		
118					Trò chơi: Thi xem ai xếp, chồng giỏi						x				1		
119	Bước đầu được làm quen với bút, tập cầm bút tô, vẽ nguệch ngoạc theo ý thích	NDCT	Tập cầm bút tô, vẽ	NDCT	Tập cầm bút vẽ, tô màu	x									1		
120					Tập vẽ những nét nguệch ngoạc.		x							1			
121					Tập vẽ đồ dùng, đồ chơi bé thích.				x					1			
122					Tập vẽ quả tròn.						x			1			
123					Tập vẽ hình bánh xe.									x		1	
124	Biết lật mở từng trang sách	NDCT	Lật mở trang sách	NDCT	Trẻ biết cầm sách.		x								1		
125					Trẻ biết mở sách.						x			1			
126					Trẻ biết lật mở trang sách								x		1		
127					Trẻ xem sách										x	1	
128	B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe																
129	1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt																
130					Trẻ biết mời cô, mời bạn,mời khách trong giờ ăn.	x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
131	Thích nghi với chế độ ăn cơm, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	KQMĐ	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau	NDCT	Trẻ biết ăn cơm		x								1			
132					Trẻ biết ăn cơm với 1 số thức ăn đơn giản.						x				1			
133					Trẻ biết ăn cơm với 1 số thức ăn mặn, canh.						x					1		
134					Trẻ biết ăn 1 số loại thức ăn thay đổi theo mùa								x			1		
135					Trẻ biết ăn 1 số loại thức ăn mới										x		1	
136	Ngủ đủ 1 giấc buổi trưa	KQMĐ	Làm quen/luyện chế độ ngủ 1 giấc (đúng giờ, đủ giấc)	NDCT	Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của giấc ngủ	x										1		
137					Trò chuyện gây hứng thú trong giờ ngủ				x								1	
138					Trẻ ngủ ngon, ngủ đủ giấc					x							1	
139	Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	KQMĐ	Đi vệ sinh đúng nơi quy định	KQMĐ	Đi vệ sinh đúng nơi quy định					x						1		
140					Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của ăn uống.									x		1		
141					Giáo dục trẻ ăn chín, uống sôi.										x		1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường			
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
142	Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn.	NDCT	Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn.	NDCT	Chúc bé ăn ngon miệng.		x								1			
143					Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của vệ sinh trước khi ăn.				x							1		
144					Rèn trẻ có nề nếp vệ sinh trước khi ăn.				x							1		
145					Cô hướng dẫn trẻ rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.		x									1		
146					Trẻ tập rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.									x		1		
147					Rèn kĩ năng rửa tay bằng xà phòng cho trẻ.	x											1	
148					Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của vệ sinh sau khi ăn.					x							1	
149					Rèn trẻ có thói quen vệ sinh sau khi ăn.						x						1	
150					Cô hướng dẫn trẻ lau mặt, lau miệng, uống nước.				x									1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
151	Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: vứt rác đúng nơi quy định	NDCT	Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: vứt rác đúng nơi quy định	NDCT	Trẻ tập lau mặt, lau miệng, uống nước.				x							1		
152					Rèn kĩ năng rửa mặt cho trẻ		x									1		
153					Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của vệ sinh môi trường.					x							1	
154					Cho trẻ xem các hình ảnh về ô nhiễm môi trường.							x				1		
155					Dạy trẻ biết vứt rác đúng nơi qui định.				x							1		
156	2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe																	
157	Trẻ biết bê ghế bằng hai tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định	ĐP	Bê ghế bằng hai tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định.	ĐP	Bê ghế bằng hai tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định.		x										1	
158	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn mặc cởi quần áo, cùng cô chuẩn bị chỗ ngủ..	KQMĐ	Tập tự phục vụ: + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt	NDCT	Tập mặc quần áo, cởi quần áo khi bị ướt hoặc bị bẩn				x								1	
159	Hướng dẫn trẻ cách mặc quần áo							x								1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
160	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn cùng cô chuẩn bị chỗ ngủ..	KQMĐ	Tập tự phục vụ: + Chuẩn bị chỗ ngủ	NDCT	Tập bê gối đến chỗ ngủ, cất gối khi ngủ dậy					x					1	
161	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,...)	KQMĐ	Tập tự phục vụ: + Lấy uống nước + Cất lấy giày dép, tự đi dép đúng đôi	NDCT	Tự lấy nước uống khi có nhu cầu.						x				1	
162					Tập đi dép khi vào nhà vệ sinh					x				1		
163					Hướng dẫn trẻ cách đi dép đúng đôi.			x						1		
164	Nhận đúng kí hiệu riêng của mình trên đồ dùng cá nhân: Khăn, ca, cốc, tủ đồ.	ĐP	Nhận dạng kí hiệu riêng của mình trên đồ dùng cá nhân: Khăn, ca, cốc, tủ đồ.	ĐP	Trẻ nhận dạng được tủ cá nhân và đồ dùng cá nhân của mình								x		1	
165	Biết xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn dưới sự hướng dẫn của cô	ĐP	Xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn	NDCT	Rèn trẻ có thói quen xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn.									x	1	
166	Biết nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	NDCT	Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	NDCT	Tập nói với cô khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.						x				1	
167	Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	NDCT	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	NDCT	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định			x							1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
168	Bước đầu biết một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt dưới sự hướng dẫn của cô	NDCT	Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	NDCT	Tập rửa tay, lau mặt.								x		1	
169	Biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	KQMĐ	Tập thói quen tốt: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	KQMĐ	Tập các thao tác: Đội mũ khi ra trời nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi ra trời lạnh.									x	1	
170	3. Nhận biết và tránh 1 số nguy cơ không an toàn															
171	Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun, xô nước, giếng,..) khi được nhắc nhở	KQMĐ	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun, xô nước, giếng,..)	NDCT	Tránh xa các vật nguy hiểm như: Bàn là, phích nước nóng.		x								1	
172					Tránh xa những nơi nguy hiểm như: Xô nước, nền giếng....		x							1		
173					Không đến chơi gần những nơi dễ gây nguy hiểm như: Ao, hồ, sông , đường làng.							x	1			
174	Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ		Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (sờ		Dạy trẻ không trèo lên lan can, cửa ra vào.....	x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
175	điện, leo trèo lên bàn, ghế/ lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	KQMĐ	vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế/ lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)	NDCT	Không được sờ vào ổ điện.					x						
176					Không đến gần các con vật nuôi: Chó, mèo...					x					1	
177					Trò chuyện về an toàn khi sử dụng các vật sắc nhọn: Dao, kéo...khi ăn các loại quả có hạt.						x				1	
178					Không cho các loại hạt vào trong mũi, miệng, tai.							x			1	
179					Không cho giấy màu, chì màu, đất nặn vào mũi, miệng, tai.									x		1
180	4. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn thương tích															
181					Giới thiệu món ăn: Tôm sốt bí	x									1	
182					Giới thiệu món ăn: Gà xào nấm hương.	x									1	
183					Giới thiệu món ăn: Súp thịt bò khoai tây-cà rốt.		x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường			
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH					
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)					
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5					
184			,- Giới thiệu cách chế biến một số món ăn dành cho trẻ	ĐP	Giới thiệu món ăn: Cháo lươn.			x								1			
185					Giới thiệu món ăn: Éch nấu chuối đậu											1			
186					Giới thiệu món ăn: Cháo sườn heo, hạt sen, bí đỏ				x								1		
187					Giới thiệu món ăn: Bò sốt vang.				x								1		
188					Giới thiệu món ăn: Ruốc lạc vùng.					x							1		
189					Giới thiệu món ăn: Cháo cá, rau cải.					x							1		
190					Giới thiệu món ăn: Cháo chim câu, hạt sen,bí đỏ.								x					1	
191					Giới thiệu món ăn: Chả cá.								x					1	
192					Giới thiệu món ăn: Cháo chim câu, hạt sen, bí đỏ.							x						1	
193					Giới thiệu món ăn: Mực xào dừa.							x						1	
194					Giới thiệu món ăn: Cháo thịt bò.										x			1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
195	Trẻ được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng theo khoa học	ĐP			Giới thiệu món ăn: Trứng rán thịt.							x		1		
196					Giới thiệu món ăn: Chả lươn.							x		1		
197					Giới thiệu món ăn: Ốc nấu chuối xanh, đậu phụ.								x	1		
198					Giới thiệu món ăn: Cháo tim, hạt sen, cà rốt.								x	1		
199			Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh (táo bón, tiêu chảy, sốt, suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì,...)	ĐP	Chế độ ăn cho trẻ biếng ăn.	x									1	
200					Chế độ ăn cho trẻ thừa cân, béo phì.		x								1	
201					Chế độ ăn cho trẻ bị táo bón		x								1	
202					Chế độ ăn cho trẻ bị sốt.						x				1	
203					Chế độ ăn cho trẻ tiêu chảy						x				1	
204					Chế độ ăn cho trẻ suy dinh dưỡng.						x				1	
205					Chế độ ăn cho trẻ còi xương.								x			1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
206					Chế độ ăn cho trẻ thiếu máu dinh dưỡng.									x	1		
207					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị hóc dị vật đường thở.		x									1	
208					Chăm sóc cho trẻ bị sốt cao.			x								1	
209					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị vết thương chảy máu.			x								1	
210					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị chó cắn.				x							1	
211					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị bỏng.					x						1	
212					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị điện giật.					x						1	
213					Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy.						x					1	
214					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị gãy xương.								x			1	
215					Kỹ năng sơ cứu khi trẻ bị đuối nước.										x	1	
216	II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC																

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
217	1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan															
218	Có khả năng tìm đồ vật vừa mới cất giấu qua nghe âm thanh	NDCT	Nghe âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh, và tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	NDCT	Trò chơi: Tìm đồ chơi, ai tìm nhanh, ai nhanh hơn, ai giỏi thế.	x									1	
219					Tiết học: Nhận biết cái trống.			x							1	
220					Trò chơi: Cái gì biến mất, ai giỏi hơn, ai thông minh hơn.		x								1	
221					Trò chơi: Tai ai tinh, đoán âm thanh của 2 loại đồ vật, ai nhanh hơn, ai giỏi hơn.			x							1	
222	Có khả năng nghe và nhận biết âm thanh của một tiếng kêu của một số con vật quen thuộc	NDCT	Nghe và nhận biết âm thanh tiếng kêu của một số con vật quen thuộc	NDCT	Trò chơi: Con gì kêu thế, đồ bé con gì, tai ai tinh, ai nhanh hơn.				x						1	
223					Tiết học: Nhận biết con vật.				x						1	
224	Nhận biết được				Trò chơi: Đoán xem vật gì, đồ bé cái gì, bé nào giỏi, ai nhanh hơn.					x					1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
225	một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa, quả quen thuộc qua sờ nắn, nhìn, ngửi,..	NDCT	Đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa, quả quen thuộc	NDCT	Trò chơi: Đoán tên 1 số loại rau, củ quả, ai đoán giỏi, tai ai tinh, ai nhanh hơn.						x				1			
226					Trò chơi: Ai đoán giỏi, tai ai tinh, ai nhanh hơn.					x						1		
227	Nhận biết được cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì	NDCT	Nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì	NDCT	Trò chơi: Vật nào nhẵn, vật nào sần sùi.			x								1		
228					Tiết học: Nhận biết tập nói: Mũ, dép.				x							1		
229					Tiết học: Nhận biết đồ dùng ăn uống: Bát, đĩa, thìa, cốc.					x							1	
230					Trò chơi: Quả nào nhẵn, quả nào sần sùi.						x						1	
231					Trò chơi: Điều kì diệu từ cái mũi, Bé đoán đúng.			x								1		
232					Trò chơi: Cho trẻ ngửi hoa hồng, cúc, mai, đào...							x					1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
233	Có khả năng nhận biết vị đặc trưng của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)	NDCT	Nhận biết các vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)	NDCT	Trò chơi: Chiếc túi kì diệu, ai giỏi hơn, ai nhanh nhất.						x				1		
234					Trò chơi: Quả gì chua, quả gì ngọt, ai thông minh hơn, thi xem ai nhanh.									x	1		
235					Trò chơi: Ai đoán giỏi, ai nhanh hơn, ai giỏi thế.								x		1		
236					-Tiết học: Nhận biết quả cam, quả chuối.					x				1			
237					-Tiết học: Nhận biết, phân biệt quả na, quả đu đủ.						x				1		
238	2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi																
239	* Nhận biết một số bộ phận của cơ thể con người																
240	Nói được tên và chức năng chính của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	KQMD	Tên, chức năng của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	NDCT	Tiết học: Nhận biết đôi bàn tay bé.		x									1	
241				NDCT	Tiết học: Nhận biết bạn của bé.		x									1	
242	*Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi																

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
243	Nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	NDCT	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT	Tiết học:Nhận biết quả bóng, búp bê.			x							1	
244					HĐNT: Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số đồ chơi lớp bé và một số đồ chơi ngoài trời.	x									1	
245					HĐNT: Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của cầu trượt, đu quay, xích đu, nhà bóng ...		x								1	
246					HĐNT: Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ chơi bé thích.			x							1	
247					HĐNT: Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng trong gia đình: Nồi, chảo, ấm, chén ...					x						1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
248					HĐNT: Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của xích đu, nhà bóng cầu trượt, đu quay, ...									x	1		
249	*Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc																
250	Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	NDCT	Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	NDCT	HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của xe máy, xe đạp, ô tô, tàu hỏa, máy bay....									x		1	
251					Tiết học: Nhận biết đèn tín hiệu giao thông.								x		1		
252					Tiết học: Nhận biết thuyền buồm.								x		1		
253					Tiết học: Nhận biết máy bay								x		1		
254					Tiết học: Nhận biết xe đạp.									x		1	
255	*Nhận biết một số con vật quen thuộc																

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
256	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc theo 1 vài dấu hiệu đặc trưng về màu sắc hoặc hình dạng khi được yêu cầu	KQMĐ	Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc	NDCT	HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số con vật: Con cá, gà, ngan, vịt....				x							1	
257					Tiết học:Nhận biết con Gà con				x								1
258	*Nhận biết một số loại hoa, quả quen thuộc																
259	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa, quả, rau quen thuộc theo 1 vài dấu hiệu đặc trưng về màu sắc hoặc hình dạng khi được yêu cầu	KQMĐ	Tên và một số đặc điểm nổi bật của một số loại hoa, quả quen thuộc	NDCT	HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số loại quả: Quả bưởi, quýt,chuối, đu đủ,							x				1	
260					HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số loại quả: Quả cam, xoài, táo, lê.....						x					1	
261					HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số loại rau: Rau cải, muống, su hào, bắp cải...						x						1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
262					HĐNT: Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa: Hoa hồng, cúc, đào, mai....							x			1	
263					Tiết học:Nhận biết hoa đào.							x			1	
264					Tiết học:Nhận biết hoa cúc							x			1	
265					Tiết học:Nhận biết hoa hồng							x			1	
266					Tiết học:Nhận biết củ cà rốt.						x				1	
267					Tiết học:Nhận biết rau cải.						x				1	
268					HĐNT: Quan sát bồn rau, hoa.....			x							1	
269					HĐNT: Quan sát góc khám phá của trường.									x	1	
270					HĐNT: Quan sát góc chợ quê,quan sát một số mặt hàng chợ quê, làm quen với bán hàng.								x		1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
271	* Ngày hội, ngày lễ															
272	Trẻ nhận biết tên gọi, ý nghĩa của 1 số ngày lễ trong năm		Nhận biết ngày tết quê em	NDCT	Tiết học: Nhận biết ngày Tết quê em							x			1	
273	* Một số mùa trong năm.															
274	Nhận biết thời tiết theo mùa	TLHD	Nhận biết thời tiết theo mùa	TLHD	HĐNT: Quan sát thời tiết mùa thu		x								1	
275					HĐNT: Quan sát thời tiết mùa đông					x		x			2	
276					HĐNT: Quan sát thời tiết mùa xuân.						x				1	
					Tiết học: Nhận biết thời tiết mùa hè.									x	1	
277					HĐNT: Quan sát thời tiết mùa hè											x
278	*Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng															
279	Chỉ hoặc lấy đúng đồ chơi có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu	KQMĐ	Kích thước to - nhỏ	NDCT	Tiết học:Nhận biết cốc to, cốc nhỏ.			x							1	
280					Tiết học: Nhận biết quả bóng màu xanh, màu đỏ.	x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
281	Chỉ/nói tên hoặc lấy/cắt đúng đồ chơi màu đỏ /vàng/xanh theo yêu cầu	KQMĐ	Màu đỏ, vàng, xanh	NDCT	Tiết học: Nhận biết,phân biệt quả bóng màu xanh, màu đỏ.	x									1		
282					Tiết học: Nhận biết ô tô màu đỏ, màu vàng.							x			1		
283					Tiết học: Nhận biết chiếc mũ màu xanh-đỏ- vàng.									x		1	
284	Nhận biết được hình tròn, hình vuông	NDCT	Hình tròn, hình vuông	NDCT	Tiết học: Nhận biết hình tròn- vuông					x					1		
285					SHC: Tô màu hình vuông và các đồ vật có dạng hình vuông.										1		
286					SHC: Tô màu hình tròn và các đồ vật có dạng hình tròn.											1	
287					SHC: Tô màu hình tròn, hình vuông.											1	
288	Xác định được vị trí trong không gian (trên-dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ	NDCT	Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ	NDCT	Tiết học: Nhận biết trên- dưới, trước- sau so với bản thân trẻ.		x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
289	Nhận biết số lượng (một - nhiều)	NDCT	Số lượng (một - nhiều)	NDCT	Tiết học: Nhận biết con vật có số lượng một và nhiều				x							1	
290	*Nhận biết bản thân và những người gần gũi																
291	Nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân khi được hỏi.	NDCT	Nhận biết được tên gọi đặc điểm bên ngoài của bản thân trẻ	NDCT	HĐNT: Nhận biết được tên gọi , 1 số đặc điểm nổi bật bên ngoài của bản thân trẻ, bạn trai, bạn gái.		x									1	
292					Trò chơi: Nói nhanh tên của bé và tên các bạn trong lớp. Sở thích của bé và của các bạn. Tính cách của bé và của các bạn.		x								1		
293					Trò chơi: Nói nhanh đặc điểm bên ngoài của bé. Tìm bộ phận còn thiếu cho tôi, Ai nói nhanh.		x								1		
294					Trò chơi: Ai đoán giỏi, bé soi gương, bé cười xinh.		x								1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
295					Tiết học: Nhận biết một số bộ phận trên cơ thể bé.		x								1	
296	Trẻ nhận biết được tên gọi, đặc điểm của đồ dùng, đồ chơi.	NDCT	Nhận biết đồ dùng, đồ chơi	NDCT	Trò chơi: Tìm đồ dùng giúp bạn, ai giỏi hơn, ai nhanh nhất,ai tìm đúng.	x									1	
				NDCT	Tiết học: Nhận biết lớp mẫu giáo bé							x	1			
297				NDCT	Trò chơi: Tìm đồ dùng, đồ chơi giúp bạn, ai tìm đúng, ai thông minh hơn.	x								1		
298	Nói được tên của cô giáo, một số bạn trong lớp	NDCT	Tên của cô giáo, một số bạn trong lớp	NDCT	Trò chơi: Ai đoán giỏi, ai nhanh hơn, ai giỏi thể.	x									1	
299					Tiết học: Nhận biết cô giáo của bé	x								1		
300	Nói được tên và công việc của những người thân	NDCT	Tên và công việc của những người thân gần	NDCT	Đón trẻ: Trò chuyện về những người thân trong gia đình bé, và một số đồ dùng trong gia đình bé.					x					1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
301	gân gũi trong gia đình		gũi trong gia đình		Tiết học: Nhận biết tên gọi, công việc của bố, mẹ bé					x						1		
302	III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ																	
303	1. Nghe hiểu lời nói																	
304	Nghe và hiểu được lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	NDCT	Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	NDCT	Trò chơi: Làm như cô nói, Làm đúng trình tự	x											1	
305	Nghe và hiểu được các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	NDCT	Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	NDCT	Trò chơi: Bắt chước, Hãy làm như cô nói.		x										1	
306	Nghe và thực hiện được các nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: "Cháu cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay!"	KQMĐ	Nghe và thực hiện các nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động bằng lời nói	KQMĐ	Trò chơi: Cất đồ chơi đúng chỗ.			x									1	
307					Trò chơi: Cất đồ dùng đúng nơi qui định.					x							1	
308	Có khả năng nghe	KQMĐ	Nghe và thực hiện	NDCT	Cô nhắc nhở trẻ cất đồ dùng cá nhân đúng nơi qui định và chào cô, ông bà, bố mẹ.	x											1	
309					Rèn trẻ chào cô, bạn, khách đến chơi.		x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
310	Cơ khả năng nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	KQMD	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	NDCT	Trò chơi: Đồ dùng cất ở đâu? Ai giỏi hơn, Ai nhanh hơn.									x	1		
311					Trò chơi: Đồ chơi cất ở đâu? Ai giỏi hơn, Ai nhanh hơn.				x							1	
312					Rèn trẻ gọi dạ, bảo vâng.						x					1	
313					Trò chơi: Làm như cô nói							x				1	
314					Trò chơi: Bắt chước.							x				1	
315					Trò chơi: Làm đúng trình tự									x			1
316			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Lớp chúng mình"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Chào buổi sáng"	x									1		
317					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Đôi bạn nhỏ"	x									1		
318			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Các bạn của"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Vệ sinh buổi sáng"		x									1	
319					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Bé mai đi công viên"		x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
320	Nghe hiểu được các bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát và nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu	KQMD	bé"		Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Thỏ ngoan"		x								1			
321			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " Đồ dùng đồ chơi"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Giày mới của Gấu nhỏ"			x								1		
322					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Chiếc đu màu đỏ"			x							1			
323			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Động vật"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Thỏ con không vâng lời"					x						1		
324					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Quả trứng "				x							1		
325					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Gà mái hoa mơ "				x								1	
326			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Gia đình"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Thỏ dọn nhà"					x							1	
327					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Ông già Noel.					x							1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
328	hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật		Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Tết và mùa xuân"	NDCT	Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Mùa xuân đã về "						x			1		
329					Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Cây táo "						x			1		
330			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Rau- củ- quả"	NDCT	Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Khi con ăn chuối "					x				1		
331					Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Quả thị "					x				1		
332					Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Nhỏ củ cải "					x				1		
333			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " PTGT"	NDCT	Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe "Vì sao thỏ cắt đuôi "								x		1	
334					Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe " Chuyến du lịch của chú Gà trống choai"							x		1		
335					Tiết học:Kể truyện cho trẻ nghe " Ô tô con học bài"							x		1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
336			Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " Mùa hè"	NDCT	Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe " Chiếc ô của Thỏ trắng".									x	1	
					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe "Sóc Nâu nhanh trí".									x	1	
337					Tiết học:Kể chuyện cho trẻ nghe: "Buổi học đầu tiên của Vịt con".									x	1	
338	Nghe và trả lời được các câu hỏi: "Ai đây?"; "cái gì?", "làm gì?"; "ở đâu?", "như thế nào?"	KQMD	Nghe các câu hỏi: "Ai đây?"; "cái gì?", "làm gì?"; "ở đâu?", "như thế nào?"	NDCT	Trò chơi: Đoán tên những người thân trong gia đình, Đoán nhanh nghề của bố mẹ, Bé nói nhanh đặc điểm của ông già Noel.					x					1	
339					Trò chơi: Rau(củ) được trồng ở đâu? Bé nào đoán giỏi. Cây rau của ai?							x			1	
340					Trò chơi: Đố bé con gì? Con gì kêu thế? Đoán hình dáng con vật, Con gì biến mất.								x		1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
341					Trò chơi: Mưa to, mưa nhỏ. Bé đang làm gì?		x								1		
342					Trò chơi: Hoa gì thơm thế? Đố bé hoa gì?						x				1		
343	2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu																
344	Phát âm rõ tiếng	KQMĐ	Phát âm các âm khác nhau	KQMĐ	Đón trẻ: Phát các âm: A, má má, măm măm, mẹ mẹ.	x										1	
345					Đón trẻ: Phát các âm bạn bạn, bà bà, bố bố, bi bi , bô bô					x						1	
346					Đón trẻ: Phát các âm com com, cô cô, ca ca, cóc cóc, chơi chơi							x					1
347	Biết sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	NDCT	Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	NDCT	SHC: Trẻ biết sử dụng các từ: Đây là cái gì? Dùng để làm gì?			x								1	
348					SHC: Trẻ biết sử dụng các từ: Ai đây? Đang làm gì?	x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
349	Biết sử dụng các từ chỉ con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	NDCT	Sử dụng các từ chỉ con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	NDCT	SHC: Trẻ biết sử dụng các từ: Cái gì? Kêu như thế nào?									x	1		
350					SHC: Trẻ biết sử dụng các từ: Con gì? Kêu thế nào?											1	
351	Biết trả lời và đặt được câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "...thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"	NDCT	Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "...thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"	NDCT	Trả lời và đặt các câu hỏi: "Cái gì đây? Để làm gì?"			x								1	
352					Trả lời và đặt các câu hỏi: "Đây là cái gì? Kêu như thế nào?Để làm gì?"								x			1	
353					Trả lời và đặt các câu hỏi: "Đây là con gì? Sống ở đâu?Kêu như thế nào? Đi như thế nào?"				x							1	
354					Trả lời và đặt các câu hỏi: "Đây là rau(củ, quả) gì? Để làm gì?"						x					1	
355					Trò chơi: Hoa gì thơm thế, Đố bé hoa gì ?Đây là hoa gì? Để làm gì?								x				1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
356	Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	NDCT	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	NDCT	Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 câu đơn giản.		x								1		
357					Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 2 câu đơn giản.				x							1	
358					Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 3 câu đơn giản.						x					1	
359					Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng câu dài.							x				1	
360			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Lớp chúng mình"	NDCT	Tiết học: Trẻ đọc bài thơ" Mẹ và cô"	x										1	
361					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ" Ăn"	x										1	
					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ" Cô dạy"	x											
362			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Các bạn của bé"	NDCT	Tiết học: Trẻ đọc bài thơ" Bạn mới"		x									1	
363					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ" Khăn nhỏ"		x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
364	Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	KQMĐ	Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Đồ dùng đồ chơi bé yêu".	NDCT	Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Đi dép"			x							1	
365					Trẻ đọc bài thơ "Găng tay và mũ"			x							1	
366					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Làm đồ chơi"			x							1	
367			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Những con vật quanh bé"	NDCT	Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Con cá vàng"				x						1	
368					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Đàn lợn con"				x						1	
369					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Chú gà con"				x						1	
370			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Gia đình bé yêu"	NDCT	Trẻ đọc bài thơ "Chỗi ngoan"					x					1	
371					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ: "Giúp mẹ"					x					1	
372					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Yêu mẹ"					x					1	
373			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Tết và mùa xuân".	NDCT	Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Hoa bưởi"							x			1	
374					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Cây đào"							x			1	
375					Tiết học: Trẻ đọc bài thơ "Hoa nỏ"							x			1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
376			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Rau-củ-quả bé thích"		Tiết học:Trẻ đọc bài thơ" Quả Thị"					x				1			
377					Tiết học:Trẻ đọc bài thơ" Củ cà rốt"					x				1			
378					Tiết học:Trẻ đọc bài thơ" Bắp cải xanh"					x				1			
379			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Phương tiện giao thông"		Tiết học:Trẻ đọc bài thơ" Đèn đỏ- đèn xanh"							x			1		
380					Tiết học:Trẻ đọc bài thơ"Đèn giao thông".							x			1		
381					Tiết học:Trẻ đọc bài thơ" Xe đạp"							x			1		
382			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:" Mùa hè"	NDCT	Tiết học:Trẻ đọc bài thơ"Đi nắng"									x		1	
383					Tiết học:Trẻ đọc bài thơ"Cầu vồng"									x		1	
384			Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:" Bé lên mẫu giáo"	NDCT	Tiết học:Trẻ đọc bài thơ"Lời chào"										x		1
385	Kể lại được đoạn truyện được nghe nhiều lần với sự gợi ý của người lớn bằng các câu	NDCT	Kể lại đoạn truyện	NDCT	Kể lại 1 đoạn trong câu chuyện "Quả trứng "				x						1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
386	đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	NDC1	được nghe nhiều lần có gợi ý	NDC1	Kể lại 1 đoạn trong câu chuyện "Cây táo"						x				1	
387	3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp															
388	Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "Cái gì đây?";...	KQMĐ	Sử dụng lời nói để giao tiếp theo nhu cầu	KQMĐ	Trẻ thể hiện nhu cầu với cô	x									1	
389					Trẻ thể hiện nhu cầu đơn giản khi chơi với bạn		x								1	
390					Thể hiện nhu cầu mong muốn khi giúp đỡ bạn			x							1	
391					Trẻ hỏi và trả lời các câu: Con gì đây? Đây là con gì?				x						1	
392					Thể hiện nhu cầu mong muốn với người thân					x					1	
393					Trẻ thể hiện nhu cầu trong ăn uống							x			1	
394	Sử dụng được các từ thể hiện sự lễ phép khi nói		Nói lễ phép to rõ		Trò chuyện với trẻ về tầm quan trọng của sự lễ phép.	x									1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
395	chuyện với người lớn. Nói to, đủ nghe, phát âm rõ tiếng.	NDCT	Nói lễ phép, to rõ ràng, đủ nghe	KQMD	Dạy trẻ lễ phép với cô giáo và người					x						1	
396					Dạy trẻ chơi đoàn kết với bạn.				x							1	
397	4. Làm quen với sách																
398	Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	NDCT	Lắng nghe khi người lớn đọc sách	NDCT	Trẻ ngồi ngoan khi nghe cô đọc sách.						x					1	
399					Trẻ chăm chú lắng nghe khi cô đọc sách									x		1	
400					Xem tranh, ảnh bé về lớp học của bé.	x										1	
401					Xem tranh, ảnh các cô bác trong nhóm lớp, trường mầm non của bé.	x										1	
402					Xem tranh, ảnh 1 số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi,miệng...		x									1	
403					Xem tranh, ảnh bé và các bạn trong lớp.		x									1	
404					Xem tranh, ảnh về đồ dùng đồ chơi bé thích.			x								1	
405					Xem tranh, ảnh về các con vật.				x						1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
406	Chỉ và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh,ảnh.	KQMD	Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh,ảnh.	NDCT	Xem tranh ảnh về công việc chăm sóc dạy dỗ trẻ trong trường Mầm non.	x								1		
407					Tiết học:Xem tranh ảnh bé và các bạn.		x									
408					Tiết học: Xem tranh ảnh về gia đình.				x						1	
409					Xem tranh, ảnh về gia đình 1 số đồ dùng trong gia đình.					x					1	
410					Xem tranh ảnh về mùa xuân, ngày tết và 1 số loại hoa.							x			1	
411					Xem tranh ảnh về một số loại rau- củ - quả phổ biến ở địa phương.						x				1	
412					Tiết học: Xem tranh các loại quả						x				1	
413					Xem tranh ảnh về một số loại phương tiện giao thông.								x		1	
414					Xem tranh ảnh về mùa hè.										x	1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
415					Xem tranh ảnh về một số đồ dùng của các anh chị mẫu giáo.									x	1	
416	Nhận biết một số kí hiệu đơn giản của lớp.	ĐP	Nhận biết một số kí hiệu đơn giản của lớp.	ĐP	Kí hiệu bạn trai, bạn gái.		x								1	
417					Kí hiệu nơi vứt rác			x							1	
418	IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ															
419	1. Phát triển tình cảm															
420	* Ý thức về bản thân															
421	Nói được một vài thông tin về bản thân (tên, tuổi)	KQMĐ	Nhận biết được tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	NDCT	Trò chơi: Thi nói về bản thân		x								1	
422	Biết thể hiện điều mình thích, không thích bằng lời nói và hành động	KQMĐ	Nhận biết được một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	NDCT	Tiết học: Búp bê yêu thương			x							1	
423	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản của giáo viên, người lớn	KQMĐ	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản của giáo viên, người lớn	NDCT	Trẻ thực hiện được 1 yêu cầu đơn giản của cô.				x						1	
424					Trẻ thực hiện được 2 yêu cầu đơn giản của cô.						x				1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
425					Trẻ thực hiện được 3 yêu cầu của cô.									x	1		
426	* Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.																
427	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	KQMĐ	Trẻ bộc lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	TLHD	Tiết học: Mẹ của bé					x						1	
428				TLHD	Tiết học: Bé yêu cô giáo									x	1		
429	Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ	KQMĐ	Cách nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ	NDCT	Tiết học: Cảm xúc của bé		x									1	
430	2. Phát triển kỹ năng xã hội																
431	* Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi																
432	Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	KQMĐ	Giao tiếp với những người xung quanh, Chơi thân thiện với bạn	KQMĐ	Trẻ gần gũi, mạnh dạn giao tiếp với cô và các bạn.	x										1	
433					Trò chơi: Kết bạn.		x								1		
434	Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ	KQMĐ	Một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ	KQMĐ	Trò chơi: Bé ơi ngoan nào, Bé cười xinh.			x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
435	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	KQMD	Quan tâm đến con vật	NDCT	Trò chuyện với trẻ về một số con vật nuôi trong gia đình				x						1	
436					Trò chơi: Chi chi, chành chành, Đoán xem ai đến chơi, Con gì kêu thế, đồ bé con gì?				x						1	
437					Tiết học: Gà con đáng yêu				x						1	
438					Trò chuyện với trẻ về một số con vật sống dưới nước.				x						1	
439					Trò chuyện với trẻ về một số con vật sống trong rừng.				x							1
440	Biểu lộ sự thân thiện với môi trường cây xanh: Không bẻ cành, ngắt hoa. Tập làm một số việc chăm sóc cây	ĐP	Quan tâm đến cây xanh	ĐP	Tiết học: Bé yêu hoa							x			1	
441					Tiết học: Bé yêu mùa hè									x	1	
442					Tiết học: Bé yêu mùa xuân							x			1	
443	* Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt															

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
444	Biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	KQMD	Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp văn hóa: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ"	NDCT	Trò chuyện với trẻ về phép lịch sự.	x									1	
445					Trẻ có thói quen chào cô khi đến lớp.	x									1	
446					Trẻ có thói quen chào hỏi ông bà, bố mẹ.				x						1	
447					Biết nói lời xin lỗi khi làm sai				x						1	
448					Biết nói lời cảm ơn khi được nhận quà.						x				1	
449	Bắt chước được một vài hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	KQMD	Chơi với đồ dùng đồ chơi	KQMD	Trò chơi: Bế tập bế em.	x									1	
450					Trò chơi: Bế chơi bế em.		x								1	
451					Trò chơi: Bế ru em ngủ.			x							1	
452					Trò chơi: Bế tập cho đồ vào nôi.				x						1	
453					Trò chơi: Bế tập nấu ăn.					x					1	
454					Trò chơi: Bế tập nói chuyện bằng điện thoại.							x				1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
455					Trò chơi: Bé tập cho em ăn, uống nước.					x					1		
456					Trò chơi: Bé tắm và mặc quần áo cho em.							x			1		
457					Trò chơi: Bé chải đầu cho em và bế em đi chơi.									x		1	
458	Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác	KQMĐ	Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn	NDCT	Trò chơi: Bạn của chúng mình		x									1	
459	Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định	NDCT	Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp	NDCT	Trẻ biết xếp hàng chờ đến lượt.				x							1	
460					Trẻ biết cất đồ dùng cá nhân đúng nơi qui định.		x									1	
461					Trẻ biết cất đồ chơi đúng nơi qui định.				x								1
462	3 . Phát triển cảm xúc thẩm mỹ																
463	1. Nghe hát,hát và vận động đơn giản theo nhạc.																
464					TCÂN: Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau, Tai ai tinh.	x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
465	Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	KQMĐ	Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	NDCT	TCÂN: Ai nhanh hơn, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau, Tai ai tinh.		x								1			
466					TCÂN: Nhảy theo điệu nhạc, Nghe âm thanh to- nhỏ, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau, Tai ai tinh.				x							1		
467					TCÂN: Nghe âm thanh to- nhỏ, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau,					x							1	
468					TCÂN: Thi xem ai nhanh, Ai đoán giỏi, Nhảy theo điệu nhạc.						x						1	
469					TCÂN: Vui cùng điệu nhạc, Nghe âm thanh to- nhỏ, Tai ai tinh, Ai đoán giỏi.								x					1
470					TCÂN: Ai đoán giỏi, Tai ai tinh, Nghe âm thanh to- nhỏ, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau.							x				1		

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
471					TCÂN: Bác lái tàu, Nghe âm thanh to-nhỏ, Tai ai tỉnh, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau.								x		1		
472					TCÂN: Vui cùng điệu nhạc, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau, Nghe âm thanh to- nhỏ, Tai ai tỉnh, Ai đoán giỏi.									x	1		
473	Trẻ thích nghe các bài hát về chủ đề	KQMĐ	Nghe hát về chủ đề:"Lớp chúng mình"	NDCT	Nghe hát: "Lớp chúng mình".	x										1	
474		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề:"Các bạn của bé".	NDCT	Nghe hát: "Cái mũi".		x									1	
475		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề:"Đồ dùng, đồ chơi bé yêu".	NDCT	Nghe hát: "Đồ chơi của em".			x								1	
476					Nghe hát: "Đồ dùng bé yêu".			x							1		
477		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề:"Những con vật quanh bé".	NDCT	Nghe hát: "Cá vàng bơi".				x							1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
478	Nghe hát về chủ đề	KQMĐ	Nghe hát về chủ đề: "Gia đình".	NDCT	Nghe hát: "Noel về".					x					1	
479		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề: "Tết và mùa xuân".	NDCT	Nghe hát: "Như hoa mùa xuân".							x			1	
480		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề: "Rau- củ- quả bé thích".	NDCT	Nghe hát: "Cây bắp cải".						x				1	
481		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề: "Phương tiện giao thông".	NDCT	Nghe hát: "An toàn giao thông".								x		1	
482					Nghe hát: "Em đi chơi thuyền".								x		1	
483		KQMĐ	Nghe hát về chủ đề: "Mùa hè bé yêu".	NDCT	Nghe hát: "Cháu lên 3".									x	1	
484			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề: "Lớp chúng mình"	NDCT	Tiết dạy: Dạy KNCH " Búp bê"	x									1	
485					Tiết dạy: Dạy KNCH " Nu na nu nống"	x									1	
486			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề: "Các bạn của bé".	NDCT	Tiết dạy: Dạy KNVĐ " Tập tầm vông".		x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường		
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH				
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)				
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5				
487	Trẻ biết hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	KQMD	Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Các bạn của bé".	NDCT	Tiết dạy: Dạy KNCH: "Tay thơm tay ngoan"		x								1			
488			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Đồ dùng, đồ chơi bé thích".	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNCH "Quả bóng"			x								1		
489					Tiết dạy:Dạy KNVĐ: " Đôi dép xinh "				x							1		
490			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Con vật bé yêu".	NDCT	Tiết dạy: Nghe hát: "Cá vàng bơi "				x							1		
491					Tiết dạy:Dạy KNCH "Con gà trống".					x						1		
492			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Gia đình bé yêu".	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNVĐ: "Cả nhà thương nhau					x						1		
493					Tiết dạy:Dạy KNCH "Lời chào buổi sáng "					x						1		
494			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:" Tết và mùa xuân".	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNCH"Chúc tết"							x					1	
495			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Rau- củ- quả".	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNCH " Quả"							x					1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
496			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Phương tiện giao thông".	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNVĐ "Lái ô tô"								x		1		
497					Tiết dạy:Dạy KNVĐ: "Đi xe đạp"							x		1			
498					Tiết dạy:Dạy KNCH "Em tập lái ô tô "							x		1			
499			Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:" Bé yêu mùa hè"	NDCT	Tiết dạy:Dạy KNCH " Mùa hè đến".								x	1			
500					Tiết dạy:Dạy KNCH: "Cô và mẹ "								x	1			
501	2. Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.																
502	Hào hứng xem tranh cùng các bạn	KQMĐ	Xem tranh	KQMĐ	Trẻ xem tranh theo ý thích.	x										1	
503					Trẻ xem tranh cùng các bạn.		x									1	
504					Trẻ xem tranh và tự nói nội dung trong tranh.			x									1
505		KQMĐ	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Lốp chúng mình"	NDCT	Tiết học: Di màu quả bóng	x										1	
					Tiết học: Di màu cái mũ	x										1	
506					Tiết học:Di màu cái áo tặng mẹ					x							1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
507	Thích cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc.	KQMĐ	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Các bạn của bé"	NDCT	Tiết học:Di màu bánh sinh nhật.		x								1		
508		KQMĐ	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Đồ dùng đồ chơi bé yêu"	NDCT	Tiết học:Di màu cái trống.			x							1		
509					Tiết học:Di màu cái yếm				x						1		
511		KQMĐ	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Những con vật quanh bé".	NDCT	Tiết học:Di màu con vịt.				x						1		
512					Di màu con cá.				x						1		
513					Di màu con gà				x							1	
515					Tiết học:Di màu cây thông Noel					x						1	
517					Di màu cái đĩa.					x						1	
518					Di màu chiếc tủ.					x						1	
519		KQMĐ	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Tết và mùa xuân"	NDCT	Di màu hoa mai							x				1	
520					Tiết học:Di màu bánh chưng							x				1	
521						Di màu quả táo						x				1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
522		KQMD	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Rau-củ- quả bé thích"	NDCT	Tiết học: Di màu củ cà rốt						x				1	
523					Tiết học: Di màu cây rau cải.						x				1	
524		KQMD	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Gia đình bé yêu"	KQMD	Tiết học: Tập vẽ cuộn len.				x						1	
525		KQMD	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Phương tiện giao thông"	NDCT	Tiết học: Di màu máy bay.								x		1	
526					Tiết học:Di màu thuyền buồm.							x		1		
527					Di màu ô tô							x		1		
528					Di màu chiếc mũ bảo hiểm.							x		1		
529		KQMD	Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Mùa hè"	NDCT	Tiết học: Di màu cái ô									x	1	
530			Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Bé lên mẫu giáo"	NDCT	Di màu chiếc cặp sách									x	1	
531			Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề: " Các bạn của bé"	NDCT	Tiết học:Tập vẽ , in bàn tay.		x								1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
532	Thích cầm bút vẽ các nét khác nhau	KQMĐ	Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề: "Tết và mùa xuân"	NDCT	Tiết học: Tập vẽ quả bưởi.						x			1		
533					Vẽ cuống hoa						x			1		
534					Vẽ mưa mùa xuân						x			1		
535		KQMĐ	Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề "Phương tiện giao thông"	NDCT	Tiết học:Tập vẽ bánh xe							x		1		
536			Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề " Mùa hè"	NDCT	Tiết học:Vẽ tia nắng								x	1		
537	Có khả năng xé vụn giấy, vo, vò, dán trang trí hình	KQMĐ	Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Động vật"	NDCT	Tiết học:Xé dán con cá				x						1	
538			Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Tết và mùa xuân"	NDCT	Tiết học: Dán lá cho bông hoa.							x			1	
539			Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Phương tiện giao thông"	NDCT	Tiết học:Dán đèn tín hiệu giao thông.									x		1

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường	
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH			
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)			
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5			
540			Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Rau- củ- quả bé thích"	NDCT	Tiết học:Xé dán quả cam					x					1		
541			Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Bé lên mẫu giáo"	NDCT	Tiết học:Xé dán chiếc bút chì.								x		1		
542	Thích chơi với đất nặn tạo ra sản phẩm đơn giản theo sự hướng dẫn của cô	KQMĐ	Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề "Các bạn của bé".	NDCT	Tiết học:Nặn vòng tặng bạn		x									1	
543		KQMĐ	Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề " Đồ dùng bé yêu".	NDCT	Tiết học:Nặn đôi đũa			x								1	
544		KQMĐ	Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề " Tết và mùa xuân"	NDCT	Tiết học: Nặn quả bưởi.							x				1	
545					Tiết học: Nặn cánh hoa							x				1	
546		KQMĐ	Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề:" Phương tiện giao thông"	NDCT	Nặn bánh xe.									x			1
547				NDCT	HĐG: Xếp đường tới lớp	x										1	

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Hoạt động chủ đề	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường
						LCM	CBCB	ĐD,ĐC	CVQB	GĐBY	RCQ	T&M	PTGT	BYMH		
						3	4	4	3	4	4	4	5	4+1(ôn)		
						8/9-26/9	29/9-24/10	27/10-21/11	24/11-12/12	15/12-9/1	12/1-6/2	9/2-13/3	16/3-17/4	20/4-22/5		
548	Thích chơi xếp hình.	KQMĐ	Xếp hình	NDCT	HĐG: Xếp bàn ghế			x							1	
549				NDCT	HĐG: Xếp hàng rào vườn rau nhà bé					x				1		
550				NDCT	HĐG: Xếp tàu hỏa						x			1		
551	CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG PHÂN BỐ VÀO CHỦ ĐỀ					49	56	54	51	53	50	54	56	47	470	
552	Trong đó: - Lĩnh vực thể chất					15	18	19	17	17	18	17	22	18	161	
553	- Lĩnh vực nhận thức					8	11	9	5	10	10	9	8	7	77	
554	- Lĩnh vực ngôn ngữ					14	13	12	13	13	12	13	11	10	111	
555	- Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.					12	14	14	16	13	10	15	15	12	121	
556	'- Nuôi dưỡng					3	4	4	3	4	4	4	5	4	35	

BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP